

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10 tháng 02 năm 2023
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Lệ Thanh**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Phùng Văn Thị**;

2. Ông **Kiều Công Ích**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trần Đình Hòa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba:* Bà **Hoàng Thị Thu Hà** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2023 tại **Trụ** sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2022/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp **Hôn** nhân và gia đình, theo **Quyết** định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Khu I, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ1, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu I, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày:**

Chị và anh Phạm Văn Đ1 kết hôn với nhau ngày 10/4/2015, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Y, nay là xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, do hai bên tự nguyện. Sau khi kết hôn 2 vợ chồng sống cùng gia đình anh Đ1 một thời gian ngắn rồi chuyển đến Bắc Ninh cho thuận tiện việc làm ăn. Tình cảm vợ chồng hạnh phúc được tời gian đầu, sau mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường cãi thậm chí đánh nhau. Vợ chồng chị mâu thuẫn trầm trọng từ ngày 05/9/2022 và đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm không hàn gắn được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ1.

Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 22/7/2015. Hiện nay cháu B đang sống cùng chị. Tại phiên tòa, chị xin tiếp tục nuôi cháu B, và không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức làm dâu, làm rể nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phạm Văn Đ1 vắng mặt nhưng có lời khai trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị Đ về thủ tục kết hôn, thời gian kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, công nợ, công sức là đúng. Nay chị Đ làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý. Anh đồng ý giao cháu B cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con trên cơ sở hai bên thỏa thuận.

Vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức làm dâu, làm rể nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án và tại giai đoạn hòa giải, chuẩn bị xét xử: Toà án đã tiến hành giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, niêm yết thông báo về phiên công khai tài liệu và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử..., anh Đ1 đã trình bày, viết bản tự khai, nhưng đã vắng mặt tại các buổi công khai tài liệu và hòa giải, nên Tòa án không công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Nguyễn Trọng H - Trưởng khu dân cư số 9 xã H cho biết: Anh Đ1, chị Đ có hộ khẩu tại khu 9 xã H Sau khi kết hôn, anh chị không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là gì thì ông không biết vì gia đình không báo cáo, không đề nghị khu dân cư hòa giải. Việc giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh chị gặp khó khăn do khu dân cư không biết thời gian anh chị và gia đình ở nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba có quan điểm: Việc tuân thủ quy định của **thẩm** phán, **thư** ký, Hội đồng xét xử từ khi nhận đơn, thụ lý, thông báo hòa giải, đưa vụ án ra xét xử hoàn toàn đúng pháp luật. Việc tuân thủ **quy** định của pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật. Việc tuân thủ quy định của pháp luật của bị đơn là chưa đúng pháp luật. Quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, điều 55, điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 : Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ. Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Văn Đ1. Giao cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu B, anh Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung không ai được cản trở. Chị Đ phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn trong vụ án là anh Phạm Văn Đ1 đã được Tòa án triệu tập, giao, niêm yết các văn bản tố tụng, nhưng anh Đ1 vẫn vắng mặt không có lý do. Toà án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử là hoàn toàn phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Văn Đ1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của Pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo anh chị là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường cãi nhau, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân từ ngày 05/9/2022 cho đến nay. Anh Đ1 đồng ý ly hôn, nhưng vắng mặt không tham gia tại các buổi hòa giải và tại phiên xét xử. Qua xác minh, chính quyền địa phương xác nhận: Hiện tại anh Đ1 vẫn có hộ khẩu tại khu I, xã H Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, anh Đ1 có đến Tòa án trình bày quan điểm, sau đó không tham gia các buổi hòa giải, chứng tỏ anh Đ1 không mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này. Từ những căn cứ trên khẳng định quan hệ vợ chồng chị Đ, anh Đ1 đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn kéo dài, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, xét yêu cầu thuận tình ly hôn của chị Đ, anh Đ1 là có cơ sở để chấp nhận phù hợp với quy định tại điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Văn Đ1 có 01 con chung là Phạm Gia B, sinh ngày 22/7/2015. Hiện nay cháu B đang sống cùng chị Đ. Khi ly hôn, chị Đ xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B, và không yêu cầu anh Đ1 phải đóng góp nuôi con chung. Anh Đ1 có quan điểm đồng ý để chị Đ tiếp tục nuôi cháu B và anh cấp dưỡng nuôi cháu B trên cơ sở hai bên thỏa thuận trực tiếp. Cháu B có quan điểm khi bố mẹ ly hôn cháu xin ở với mẹ. Xét thấy nguyện vọng của anh chị và cháu B là chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật. Do anh Đ1 không có mặt nên không thể để anh chị thỏa thuận về mức cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị Đ không yêu cầu anh Đ1 phải cấp dưỡng nuôi con. Để tránh xáo trộn cuộc sống và sự phát triển của con chung, HĐXX xét thấy đề nghị của chị Đ là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Văn Đ1 khai vợ chồng không có tài sản chung, không nợ chung, không có đất nông nghiệp, không có công sức đóng góp với hai bên gia đình nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Đ1 vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên xét xử, nhưng anh chị đã thừa nhận trong bản tự khai là vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức với hai bên gia đình cần xác định là đúng.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55, **điều** 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228, khoản 4 điều 147 Bộ luật **tổ** tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm Văn Đ1.

*** Về con chung:** Xử: Giao cho chị Nguyễn Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Gia B, sinh ngày 22/7/2015. Hiện nay cháu B đang sống cùng chị

Đ. Anh Phạm Văn Đ1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu. Hai bên có quyền, nghĩa vụ chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

* **Về tài sản chung, nợ chung, công sức:** Xác nhận chị Nguyễn Thị Đ và anh Phạm V Đồng đều thừa nhận không có.

* **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị Đ đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2020/0003536 ngày 19/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba. Chị Nguyễn Thị Đ đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ./

Nơi nhận:

- *Viện kiểm sát nhân dân huyện;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Hanh Cù;*
- *Chi cục THADS;*
- *Lưu AV,HSVA.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Lệ Thanh